

Số: 514 /BC - UBND

Tam Đường, ngày 14 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020;

Căn cứ Công văn số 2162/STC-TTr ngày 30/9/2020 của Sở Tài chính về việc Báo cáo kết quả thực hiện Luật THTK, CLP năm 2020; nhiệm vụ, giải pháp năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện Tam Đường báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; nhiệm vụ, giải pháp năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

UBND huyện đã tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với việc: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chỉ đạo Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật ban hành kế hoạch định hướng nội dung tuyên truyền và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn huyện. Kết quả đã tổ chức 13 hội nghị tuyên truyền cho 1.665 hội viên hội cựu chiến binh, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn đã tuyên truyền được 58 buổi

với tổng số 2919 lượt cán bộ, công chức và Nhân dân tham gia học tập các văn bản pháp luật liên qua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Qua đó cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã nâng cao ý thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; góp phần xây dựng các cơ quan, đơn vị từ huyện đến cơ sở trong sạch vững mạnh.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP và việc THPTK, CLP

Công tác THPTK, CLP trong thời gian qua đã được huyện quan tâm, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, liên tục. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Chương trình số 293/CTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2020 về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020, trong đó chỉ đạo và phân công, quán triệt rõ vai trò, trách nhiệm của từng phòng, ban ngành, đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn. Tiếp tục nâng cao hơn nữa ý thức THPTK, CLP của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng vốn và tài sản Nhà nước trên địa bàn huyện; đồng thời ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; tránh để xảy ra tình trạng lãng phí, thất thoát vốn và tài sản của Nhà nước.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Công tác thanh tra năm 2020 trên địa bàn huyện được thực hiện theo Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tam Đường về phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2020. Nội dung thanh tra, kiểm tra tập trung vào một số lĩnh vực như: Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; Quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trong đó lồng ghép các nội dung về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (không tổ chức cuộc thanh tra riêng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí). Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/9/2020 trong quá trình thanh tra, kiểm tra không phát hiện các nội dung liên quan đến việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LẮNG PHÍ

1. Kết quả THPTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

a) Trong việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của mình tiếp tục thực hiện rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ đang thực hiện trong các lĩnh vực như: quản lý, sử dụng Ngân sách nhà nước (NSNN); đầu tư xây dựng

cơ bản; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi công cộng và tài sản công khác. Trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị về trên sửa đổi, bổ sung các định mức, tiêu chuẩn, chế độ không còn phù hợp với tình hình thực tế.

b) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN

- Chỉ đạo rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý Nhà nước, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác. Các cơ quan, đơn vị không sử dụng kinh phí NSNN để chi quà biếu, quà tặng không đúng chế độ quy định, không mua xe công (trừ xe chuyên dùng theo quy định của pháp luật);

- Qua phân bổ dự toán đầu năm huyện đã thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi hoạt động thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, với số tiền là 4.684 triệu đồng (*Trong đó: Cấp xã 658 triệu đồng, cấp huyện: 4.026 triệu đồng; đầu năm 2020*). Đầu năm 2020 huyện đã trích lập dự phòng ngân sách với số tiền là 5.010 triệu đồng (*Trong đó: Cấp xã 42 triệu đồng, cấp huyện: 4.968 triệu đồng*). Đã chi được 4.968 triệu đồng.

- Tiết kiệm trong mua sắm thông qua thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh tính đến 30 tháng 9 năm 2020 số tiền tiết kiệm được là: 1.377 triệu đồng.

- Quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia:

+ Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia trong thời gian qua đều phối hợp chặt chẽ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án.

+ Kinh phí Chương trình Mục tiêu quốc gia năm 2020 là 57.331 triệu đồng, huyện đã phân bổ xong.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo: Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Trung tâm Chính trị huyện, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và dạy nghề trên địa bàn huyện đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định, đảm bảo tiết kiệm cho ngân sách.

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế: Sự nghiệp y tế của huyện (Trung tâm Y tế, các Trạm y tế xã, thị trấn) đều do cấp tỉnh quản lý và cấp kinh phí. Riêng phòng Y tế huyện thuộc khối quản lý Nhà nước do huyện quản lý và cấp phát kinh phí, trong năm 2020 đơn vị này đã thực hiện tiết kiệm chi quản lý hành chính, đã trích lập ngay từ đầu năm.

- Các trường hợp sử dụng NSNN khác: Ngay từ đầu năm, UBND huyện đề ra những giải pháp chỉ đạo các cơ quan, UBND các xã, thị trấn tăng cường trong công tác quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, xây dựng, quản lý, điều hành và kiểm soát thu - chi ngân sách thông qua quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; 100% các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định. Việc kiểm soát chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công của từng đơn vị đã góp phần tiết kiệm được kinh phí giao tự chủ, tạo thêm nguồn kinh phí tăng cường cho cơ sở vật chất, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị trong quản lý, tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Qua đó, các đơn vị đã xây dựng và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình trong việc quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên nhằm tiết kiệm kinh phí như sử dụng điện thoại, điện chiếu sáng cơ quan, khoán công tác phí, xăng dầu, chi tiêu hội nghị, tiếp khách, văn phòng phẩm,... để có tăng thêm thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức trên cơ sở về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đúng theo quy định.

c) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực Nhà nước

UBND huyện chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị. Việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện, thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc đảm bảo đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, đúng định mức, chế độ quy định. Trong mua sắm luôn có kế hoạch cụ thể và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Các cơ quan, đơn vị có phương tiện đi lại đều ban hành quy chế quản lý, sử dụng phương tiện một cách có hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm nhiên liệu.

- Về mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại:

Về phương tiện đi lại: Hiện nay, trên địa bàn huyện tổng số có 08 xe ô tô công, trong đó: Văn phòng Huyện ủy quản lý 02 xe, Văn phòng HĐND-UBND huyện quản lý 05 xe (*trong đó 01 xe đang hỏng, chờ thanh lý*), Ban quản lý dự án huyện quản lý 01 xe. Các đơn vị quản lý sử dụng xe đã thực hiện tốt các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc bảo quản phương tiện đi lại, sử dụng nhiên liệu theo đúng định mức tiêu hao. Xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe cho phù hợp. Việc sử dụng các phương tiện trên đúng

mục đích, đúng đối tượng, phục vụ thiết thực cho công việc, không sử dụng xe công vào mục đích cá nhân.

- Về mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc:

Do yêu cầu công việc nên cần phải mua sắm một số trang thiết bị nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về Danh mục tài sản mua sắm tập trung tỉnh Lai Châu, ngay từ đầu năm UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn lập nhu cầu mua sắm gửi đơn vị mua sắm tập trung. Từ đầu năm đến nay UBND huyện đã mua sắm trang thiết bị theo phương thức tập trung cho 14 đơn vị dự toán và 06 xã, thị trấn với tổng kinh đã thực hiện: 1.003 triệu đồng.

d) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

*** Quản lý đầu tư xây dựng**

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư công; triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020. Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư, không để phát sinh thêm và tăng cường xử lý nợ đọng trong xây dựng cơ bản. Đồng thời, chỉ đạo quyết liệt các chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án và nghiệm thu các dự án theo quy định phân đấu giải ngân hết kế hoạch vốn đã được giao. Các lĩnh vực cụ thể sau:

- Trong lập thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng ngân sách nhà nước:

+ Giá trị tổng mức đầu tư công trình được phê duyệt đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 30.807 triệu đồng.

+ Giá trị tổng mức đầu tư sau thẩm định đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 30.509 triệu đồng.

+ Tiết kiệm trong thẩm định dự án và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật là 298 triệu đồng.

- Trong thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, tính đến 30 tháng 9 năm 2020, số tiền tiết kiệm được là: 639 triệu đồng

- Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán

+ Giá trị tổng mức đầu tư công trình được phê duyệt đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 là 48.860 triệu đồng.

+ Giá trị cơ quan thẩm tra trình phê duyệt quyết toán công trình là 46.331 triệu đồng.

+ Tiết kiệm trong thẩm định báo cáo quyết toán công trình là 83 triệu đồng.

*** Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc**

UBND huyện đã bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc tương đối đảm bảo, phù hợp với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; thực hiện điều chuyển, thanh lý tài sản công đúng thẩm quyền và đúng quy định của Luật Quản lý tài sản, chỉ thanh lý những tài sản không còn giá trị sử dụng, hiệu quả sử dụng thấp, không còn phù hợp với yêu cầu thực tế.

Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ:

+ Về đất: 182.552,7 m²

+ Về nhà: 14.173,7 m²

Diện tích trụ sở làm việc giảm do điều chuyển: (Giảm xã Sùng Phài về Thành phố Lai Châu)

+ Về đất: 2.562,4 m²

+ Về nhà: 368 m²

Đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

- Trong quản lý, sử dụng đất

Kịp thời tham mưu cho UBND huyện thông báo công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2020; Tham mưu cho UBND huyện phê duyệt 12 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Công tác thẩm định, tham mưu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong năm 2020 tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện ban hành 05 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai của 04 cá nhân và 01 tổ chức với tổng số tiền phạt là 93,5 triệu đồng.

- Trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các ngành chức năng triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý tài nguyên, khai thác khoáng sản. Tổ chức lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các công trình thủy điện trên địa bàn huyện.

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực Nhà nước:

Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập: Phòng Nội vụ huyện chủ trì, phối hợp các cơ

quan, đơn vị thường xuyên rà soát các quy định về đào tạo, quản lý và sử dụng cán bộ, thời gian làm việc trong các cơ quan nhà nước. Không để mất cân đối, không phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động, không đúng với ngành nghề chuyên môn, không phát huy hết năng lực sở trường, lãng phí thời gian và nguồn lực lao động; thực hiện tinh giản biên chế đối với các cán bộ công chức, viên chức không đủ năng lực, không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn. Từ đầu năm đến nay không xử lý cán bộ nào vi phạm kỷ luật.

g) Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

Tổ chức thực hiện tốt Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng gia đình văn hóa, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng biểu dương kịp thời các gương người tốt, việc tốt trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường tuyên truyền cho người dân thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Triển khai nhiều biện pháp kiểm soát giá cả thị trường, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân (Đặc biệt trong các dịp lễ, Tết, ngày hội văn hóa tại địa phương).

3. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được

- Công tác THPTK, CLP trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực; nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức về tầm quan trọng của công tác THPTK, CLP; các chính sách tiết kiệm trong chi tiêu được các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân hưởng ứng tích cực góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Tinh thần trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị đối với công tác THPTK, CLP ngày càng nâng cao; đã chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch THPTK, CLP; thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chính sách chế độ trong qui chế chi tiêu nội bộ của từng đơn vị đúng theo quy định.

- Công tác phối hợp giữa các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội về THPTK, CLP bước đầu có chuyển biến tích cực, thường xuyên phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin tài liệu, phối hợp các biện pháp đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các vụ việc vi phạm về THPTK, CLP.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

*** Tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị việc THPTK, CLP còn chưa có chiều sâu, chưa thể hiện tính tự giác cao, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị chưa quán triệt việc lãnh đạo, chỉ đạo THPTK, CLP nên chương trình THPTK, CLP của một số cơ quan, đơn vị còn chung chung, chưa xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tiết kiệm cụ thể, chưa xác định được các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm cần tập trung chỉ đạo tiết kiệm, chưa bám sát vào đặc điểm, đặc thù của từng đơn vị để đưa ra chương trình hành động thiết thực.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; chất lượng báo cáo còn thấp, chưa làm rõ nguyên nhân, chưa nhận diện hết được lãng phí trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý để từ đó đề ra biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi kịp thời.

*** Nguyên nhân:**

- Công tác xây dựng Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn chưa cụ thể, chưa gắn với nhiệm vụ tại đơn vị, địa phương mình. Việc tổ chức triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, chưa sát thực tế công tác quản lý và điều hành.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về Luật THPTK, CLP còn chưa diễn ra thường xuyên, rộng khắp; vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt và quán triệt sâu sắc Luật THPTK, CLP.

- Thực hiện công khai ở một số đơn vị chưa đi vào nề nếp và còn mang tính hình thức nên đã hạn chế hiệu quả giám sát của các tổ chức, đoàn thể quần chúng và Nhân dân chưa cao.

*** Những kinh nghiệm rút ra:**

- Điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong tất cả các khâu: Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP VỀ THPTK, CLP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2021

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho cán bộ, công chức, viên chức về ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thi hành công vụ. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đặc biệt là tư tưởng của Bác về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

- Tăng cường quản lý thu; thực hiện quyết liệt các giải pháp chống thất thu, trốn thuế; đảm bảo chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Công khai, minh bạch và thực hiện triệt để tiết kiệm ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, gây lãng phí. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động và chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

- Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để góp phần chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng, phát huy nguồn lực nhằm tái tạo tài sản và phát triển kinh tế - xã hội. Chống lãng phí trong mua sắm tài sản công thông qua việc triển khai đồng bộ, có hiệu quả các tài sản hiện có.

- Tăng cường công tác cải cách hành chính trong từng cơ quan, đơn vị, nhất là cải cách về thủ tục hành chính trong giải quyết các công việc liên quan đến Nhân dân, đến doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý.

2. Các giải pháp

- Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về THTK, CLP, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong THTK, CLP của công chức và người lao động. Toàn thể công chức, người lao động thực hiện nghiêm túc Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Quy chế Chi tiêu nội bộ của cơ quan đơn vị; báo cáo kịp thời với thủ trưởng đơn vị các trường hợp vi phạm quy định về THTK, CLP. Tuyên truyền sâu rộng đến từng cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân địa

phương nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính và THTK, CLP.

- Trong lĩnh vực đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý; gắn THTK, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, cụ thể: Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, minh bạch, hiệu quả nhằm giảm thiểu thời gian, chi phí liên quan đến thủ tục hành chính của người dân. Tăng cường công tác kiểm tra trong việc giải quyết thủ tục hành chính, xử lý nghiêm những hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn của cán bộ, công chức trong việc giải quyết hồ sơ thủ tục cho công dân.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, góp phần cắt giảm thời gian, chi phí và tăng tính công khai, minh bạch khi thực hiện thủ tục hành chính. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; kết nối thông tin một cửa quốc gia, tập trung nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc, qua đó góp phần xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP.

- Về quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên, thực hiện có hiệu quả các giải pháp về cân đối thu chi, thường xuyên rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi theo đúng chế độ định mức quy định.

- Thực hiện công tác quản lý Nhà nước theo phân cấp tuân thủ theo quy định, định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong từng lĩnh vực, nhất là trong việc quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, trụ sở làm việc và các loại tài sản Nhà nước. Không đưa vào kế hoạch mua sắm những tài sản chưa phải là nhu cầu bức thiết, đảm bảo việc mua sắm tài sản được tiết kiệm, CLP.

- Chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động tài chính, quản lý sử dụng tài sản công trong cơ quan đơn vị. Xây dựng Quy chế Chi tiêu nội bộ của cơ quan đơn vị, đưa ra các biện pháp tiết kiệm, CLP trong sử dụng kinh phí nhằm tăng thu nhập cải thiện đời sống của cán bộ, công chức và người lao động. Trong quản lý, sử dụng tài sản công, phải xây dựng Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công. Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, công khai, hiệu quả. Xác định công năng sử dụng của tài sản để trang bị cho nhiều đối tượng dùng chung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế...

- Công tác quản lý sử dụng lao động, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Triển khai sắp xếp, tổ chức

lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu quả. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và người lao động để sử dụng hiệu quả chi thường xuyên, góp phần nâng cao đời sống thu nhập cho công chức, người lao động. Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của công chức, người lao động. Nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong quản lý công chức, người lao động; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế về thời gian làm việc.

Trên đây là Báo cáo kết quả hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2021 trên địa bàn huyện Tam Đường./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn ;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Sùng Lữ Páo

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Báo cáo số: /UBND-TCKH ngày tháng 10 năm 2020 của UBND huyện Tam Đường)

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2020

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch thực hiện năm 2020	KQ thực hiện tính đến 30/9/2020	Ước thực hiện cả năm	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ					
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản				
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản				
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc		01		Bao gồm cả các cuộc kiểm tra xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp trên, đơn vị dự toán cấp I đối với đơn vị dự toán cấp dưới
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ				
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng		41,3		
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)					
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN					
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng				
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chỉ thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	4.684	4.684	4.684	
	<i>Tiết kiệm 10% để CCTL</i>	<i>triệu đồng</i>	4.684	4.684	4.684	
-	Tiết kiệm trong dự toán các đơn vị cấp tỉnh	triệu đồng				
-	Tiết kiệm trong dự toán NS huyện, thành phố	triệu đồng	4.684	4.684	4.684	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng				
1.4	Các nội dung khác					

2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN				
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:				
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa TS, TTB làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Khác</i>	<i>triệu đồng</i>			
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:				
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>	1.377		
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>			
	<i>Các nội dung khác</i>				
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng			
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng			
					Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
					Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt

3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ					
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị				
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị				
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng				
4	Các nội dung khác					
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước					
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)					
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	08	08	09	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	01	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0		
	<i>Thanh lý</i>					
	<i>Điều chuyển</i>					
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc				
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng				
2	Tài sản khác					
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản				
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện	tài sản				
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng				
3	Các nội dung khác					
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng					
1	Trong đầu tư xây dựng					
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án				
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng				
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		298,0		
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		639,0	639,0	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng				
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng		83,0		
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng				
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án				
1.5	Các DAHT không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ					

2	Trụ sở làm việc					
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ					
	<i>Đất (Bao gồm các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn)</i>	m2	182.552,7	182.552,7	182.552,7	
	<i>Nhà</i>	m2	14.173,7	14.173,7	14.173,7	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2				
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	2.562,4	2.562,4	2.562,4	Điều chuyển xã Sùng Phải về Thành Phố
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2				
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2				
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng				
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên					
1	Quản lý, sử dụng đất					
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2		2.152,2	2.186,7	
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2		2.152,2		
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	93	93,0		
1.4	Các nội dung khác					
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác					
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước					
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ				
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng				
3	Các nội dung khác					
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp					
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh					
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng				
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng				
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h				
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tân (lít)				
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng				
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng				
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng				
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng				

2	Quản lý đầu tư xây dựng				
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án			
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn				
2.5	Các nội dung khác				
3	Mua sắm phương tiện				
3.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con				
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc			
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc			
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng			
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc			
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng			
3.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc			
4	Nợ phải thu khó đòi				
	Số đầu kỳ	triệu đồng			
	Số cuối kỳ	triệu đồng			
5	Vốn chủ sở hữu				
	Số đầu năm	triệu đồng			
	Số cuối kỳ	triệu đồng			
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân				
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ			
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ			
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP				
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai thực hiện	cuộc			
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã hoàn thành	cuộc			
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra	đơn vị			
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm	đơn vị			
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ	triệu đồng			
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng			
-	<i>Thu hồi nộp NSNN</i>	triệu đồng			
-	<i>Xử lý khác</i>	triệu đồng			